VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHỦ TỊCH NƯỚC

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 193/QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 25/TTr-CP ngày 30/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 34 công dân hiện đang cư trú tại Hàn Quốc (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Võ Văn Thưởng

DANH SÁCH
CÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN CƯ TRÚ TẠI HÀN QUỐC ĐƯỢC CHO THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số 193/QĐ-CTN ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch nước)

1. **Nguyễn Minh Tuấn**, sinh ngày 12/10/2020 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng, theo GKS số 252 ngày 19/11/2020
Hiện trú: 10-26 Daejeon 2-gil, Cheongcheon-myeon, Goesan-gun, Chungcheongbuk-do, Korea
Hộ chiếu số: C9539081 cấp ngày 13/5/2021 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng

2. **Vũ Tâm Anh**, sinh ngày 01/11/2019 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, theo GKS số 12 ngày 24/5/2021
Hiện trú tại: B dong 502ho, Geumnamuro 135, Baeokseok-eup, Yangju-si, Gyeonggi-do, Korea
Hộ chiếu số: C9536218 cấp ngày 03/6/2021 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

3. **Trương Đức Kiên**, sinh ngày 30/12/2003 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cao Xanh, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, theo GKS số 84 ngày 14/12/2005
Hiện trú tại: 4/1, Gonwon-ro45beon-gil, Sujeong-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do, Korea
Hộ chiếu số: N2209332 cấp ngày 13/3/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: tổ 14, khu 4, phường Hồng Hạ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

4. **Nguyễn Thị Tâm Vy**, sinh ngày 20/11/2008 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, theo GKS số 101 ngày 16/10/2010
Hiện trú tại: 25, Gorim-ro110beon-gil, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Korea
Hộ chiếu số: C8596536 cấp ngày 02/12/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

5. **Lê Đăng Sơn**, sinh ngày 13/02/2009 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thành Tô, huyện Hải An, TP. Hải Phòng, theo GKS số 21 ngày 19/02/2009
Hiện trú tại: 648beonji, Unnong-ri, Dong-myeon, Hwasun-gun, Jeollanam-do, Korea
Hộ chiếu số: C7674151 cấp ngày 27/6/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thành Tô, huyện Hải An, TP. Hải Phòng

6. **Kim Bảo An**, sinh ngày 02/02/2020 tại Hai Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, theo GKS số 61 ngày 27/10/2017
Hiện trú tại: 376beonji, Gwangcheon-ri, Gwangcheon-eup, Hongseong-gun, Chungcheongnam-do, Korea
Hộ chiếu số: K0089250 cấp ngày 25/02/2022 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

7. **Nguyễn Hồ Bảo Nhi**, sinh ngày 21/5/2019 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, theo GKS số 2448 ngày 19/11/2019

Hiện trú tại: 30-11, Yulsaengjungang-ro, Daegot-myeon, Kimpo-si, Gyeonggi-do, Korea
Hộ chiếu số: N2392945 cấp ngày 17/6/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

8. **Dương Huyền Trang**, sinh ngày 17/6/1988 tại Cà Mau — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, theo GKS số 135 ngày 25/7/2006
Hiện trú tại: 11/3, Oksan-ro 105beon-gil, Bucheon-si, Gyeonggi-do, Korea
Hộ chiếu số: N2477804 cấp ngày 21/12/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

9. **Trần Anh Tuấn**, sinh ngày 20/02/2021 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, theo GKS số 2308 ngày 24/6/2022
Hiện trú tại: 201ho, 2 Dongsan 7gil, Paju-si,Gyeonggi-do, Korea
Hộ chiếu số: K0473770 cấp ngày 27/6/2022 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

10. **Lưu Thị Phương Anh**, sinh ngày 02/4/2018 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, theo GKS số 948 ngày 10/3/2022
Hiện trú tại: 366, Ssangbong-ro, Yeosu-si, Jeonnam, Korea
Hộ chiếu số: K0148179 cấp ngày 14/3/2022 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

11. **Lưu Thị Hà Anh**, sinh ngày 19/10/2019 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, theo GKS số 156 ngày 13/01/2022
Hiện trú tại: 366, Ssangbong-ro, Yeosu-si, Jeonnam, Korea
Hộ chiếu số: C9480609 cấp ngày 15/01/2022 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

12. **Lê Đăng Khôi**, sinh ngày 09/02/2022 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, theo GKS số 2383 ngày 20/6/2022
Hiện trú tại: 301ho, 59-6 Pungsanjungang-gil, Pungsan-eup, Andong-si, Gyeongsangbuk-do, Korea
Hộ chiếu số: K0473659 cấp ngày 22/6/2022 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

13. **Phạm Lê Tùng Anh**, sinh ngày 21/3/2005 tại Thanh Hóa Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Các Sơn, huyện Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, theo GKS số 473 ngày 13/7/2022
Hiện trú tại: 1601ho, 106Ddong, Sicheong-ro102beongil 51, Namyang-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea
Hộ chiếu số: C4908815 cấp ngày 10/4/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Các Sơn, huyện Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

14. **Nguyễn Thị Dung**, sinh ngày 24/02/1985 tại Tây Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, theo GKS số 1363 ngày 27/02/1985
Hiện trú tại: 12-3 Jungmaeul-gil, Maejeon-myeon, Cheongdo-gun, Gyeongsangbuk-do, Korea
Hộ chiếu số: N2046818 cấp ngày 06/3/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

15. **Nguyễn Thị Ngọc Anh**, sinh ngày 24/8/2003 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, theo GKS số 103 ngày 29/8/2003
Hiện trú tại: 18/5, Digital-ro 70-gil, Yeongdeungpo-gu, Seoul-si, Korea

Hộ chiếu số: Q00034151 cấp ngày 09/8/2022 Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

16. **Yoo Tuyết Nhi**, sinh ngày 19/10/2008 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, theo GKS số 24 ngày 02/12/2008
Hiện trú tại: 265, Okjeong-ro 2-gil, Yangju-si, Gyeonggi-do, Korea
Hộ chiếu số: C6539058 cấp ngày 28/01/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: B21.2 chung cư Sunrise, Reverside, ấp 5, Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

17. **Trần Thị Kiều Nhung**, sinh ngày 12/12/2004 tại TP. Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hưng Thạnh, huyện Cái Răng, TP. Cần Thơ, theo GKS số145 ngày 17/8/2005
Hiện trú tại: 106-dong 305-ho, 539, Baegyang-daero, Sasang-gu, Busan-si, Korea
Hộ chiếu số: C5081112 cấp ngày 04/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hưng Thạnh, huyện Cái Răng, TP. Cần Thơ

18. **Nguyễn Thị Thảo Nguyên**, sinh ngày 05/01/2015 Giới tính: Nữ
tại TP. Hà Nội
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương, theo GKS số 164 ngày 09/4/2015
Hiện trú tại: 4-5, Seong-an 2-gil, Jung-gu, Ulsan, Korea
Hộ chiếu số: C4585861 cấp ngày 26/01/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương

19. **Lê Thị Mai Anh**, sinh ngày 03/11/2007 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng, theo GKS số 223 ngày 03/12/2007
Hiện trú: 7-2, Yonghyeon-dong, Michuhol-gu, Incheon-si, Korea
Hộ chiếu số: C8385775 cấp ngày 06/11/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng

20. **Lê Thị Hồng Ánh**, sinh ngày 23/11/2009 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng, theo GKS số 299 ngày 30/11/2009
Hiện trú: 7-2, Yonghyeon-dong, Michuhol-gu, Incheon-si, Korea
Hộ chiếu số: C8385774 cấp ngày 06/11/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng

21. **Biện Hữu Hoài Nam**, sinh ngày 29/12/2009 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, theo GKS số 4 ngày 06/01/2010
Hiện trú tại: 137 Hyeonhwa-ro, Hyeongyeong-myeon, Muan-gun, Jeollanam-do, Korea
Hộ chiếu số: Q00034520 cấp ngày 25/8/2022 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

22. **Trần Thị Thắm**, sinh ngày 16/11/1979 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, theo GKS số 1911 ngày 20/11/1979

Hiện trú tại: 01 FL, 12, Sinchang-ro 31beon-gil, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Korea
Hộ chiếu số: N2299574 cấp ngày 05/01/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

23. **Seo Phú Thịnh**, sinh ngày 29/9/2018 tại Bạc Liêu — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, theo GKS số 05 ngày 20/11/2018
Hiện trú tại: 650-1 Susan-Dong, Andong-Si, Gyeongsanbuk-do, Korea
Hộ chiếu số: C9476948 cấp ngày 04/12/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu

24. **Nguyễn Thị My**, sinh ngày 21/8/1994 tại Bạc Liêu — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, theo GKS số 02 ngày 03/01/2014
Hiện trú tại: 2F, 24-2, Pyeongsan-si, Jung-gu, Ulsan-si, Korea
Hộ chiếu số: B8127510 cấp ngày 27/6/2013 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

25. **Huỳnh Thị Ngọc Nga**, sinh ngày 03/01/1977 tại Đồng Nai — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, theo GKS số 52 ngày 05/4/2005
Hiện trú tại: #20-31, Geomaro98beogil, Nam-gu, Ulsan-si
Hộ chiếu số: N1675853 cấp ngày 18/6/2013 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

26. **Lê Minh Sang**, sinh ngày 03/6/2022 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, theo GKS số 2955 ngày 30/7/2022
Hiện trú tại: 20, Eung-am-ro 26-gil, Eunpyeong-gu, Seoul-si, Korea
Hộ chiếu số: Q00035211 cấp ngày 02/8/2022 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

27. **Đào Hồng Tuyết Nhỏ**, sinh ngày 20/9/2003 tại Bình Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Trung An, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, theo GKS số 143 ngày 13/8/2004
Hiện trú tại: 21/1, Wangsipri-ro 21da-gil, Seongdong-gu, Seoul, Korea
Hộ chiếu số: C9257649 cấp ngày 25/9/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ấp Hội Thạnh, xã Trung An, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

28. **Nguyễn Thị Lan**, sinh ngày 27/01/1975 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã An Sinh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, theo GKS số 114 ngày 04/9/2012
Hiện trú tại: 2122-7, Seohae-daero 463beon-gil, Jung-gu, Incheon, Korea
Hộ chiếu số: K0368829 cấp ngày 11/5/2022 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã An Sinh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

29. **Phạm Thị Hồng Hòa**, sinh ngày 05/10/2002 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, theo GKS số 318 ngày 04/12/2002
Hiện trú tại: 34 Dagil, Dongmyeon 145beon, Namgu, Busansi, Korea

Hộ chiếu số: N2215484 cấp ngày 16/4/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

30. **Ngô Thị Cẩm Nhung**, sinh ngày 10/02/1986 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thới Lai, huyện Ô Môn, TP. Cần Thơ, theo GKS số 738 ngày 02/10/1998
Hiện trú tại: 202ho, Jeongjae ro 8gil 13, Sangrok gu, Ansan si, Gyeonggi do, Korea
Hộ chiếu số: N2103056 cấp ngày 10/7/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thới Lai, huyện Ô Môn, TP. Cần Thơ

31. **Trương Ngọc Bé**, sinh ngày 03/10/2018 tại Đồng Nai Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, theo GKS số 113 ngày 14/3/2019
Hiện trú tại: 82-7 Mokdongjungangbon-ro 7ga-gil, Yangcheon-gu, Seoul-si, Korea.
Hộ chiếu số: C9150949 cấp ngày 14/5/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

32. **Trần Minh Thuận**, sinh ngày 16/10/2018 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, theo GKS số 1496 ngày 20/5/2020
Hiện trú tại: 28-5 Gwanma-gil, Jisan-myeon, Jindo-gun, Jeollanam-do, Korea
Hộ chiếu số: N2223454 cấp ngày 26/5/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

33. **Lê Ngọc Hoàng Anh**, sinh ngày 18/02/2019 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Lý Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo GKS số 89 ngày 04/5/2020
Hiện trú tại: (Seryudong), Jeongjo-ro 587beon-gil 10, Gwonseon-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Korea
Hộ chiếu số: C9746655 cấp ngày 15/12/2021 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

34. **Nguyễn Đức Mạnh**, **s**inh ngày 02/11/2012 tại TP. Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, theo GKS số 127 ngày 07/5/2014
Hiện trú tại: Donggyegil48, Sacheon-si, Gyeongsangnam-do (Dayeongpolribian 905ho, Korea
Hộ chiếu số: C5575777 cấp ngày 03/6/2021 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.